

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày: 23/4/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước 2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-KDTM, ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 22/02/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH T2**

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế H; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Thế H là: Trần Khánh D, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH T2 là ông Trần Ngọc T - Luật sư Công ty L thuộc đoàn luật sư tỉnh V.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ Phần T3**

Địa chỉ: Số A N, tầng B tòa nhà H, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung T1 - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Công ty TNHH T2** do anh Trần Khánh D đại diện trình bày:*

Ngày 08/11/2018 Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) có ký hợp đồng kinh tế số: 44/HĐBT.2018/TH-TTNAP với Công ty Cổ phần T3 (gọi tắt là Công ty T3), nội dung Công ty T2 cung cấp bê tông trộn sẵn thương phẩm theo Mác (Bê tông M150, bê tông M200, bê tông M250) phục vụ công trình để sửa chữa bổ sung rãnh dọc trên Quốc lộ A đoạn Km 2044 + 500 - Km 2062 + 600 Đoạn từ Cầu L (địa chỉ: Quốc lộ A, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long) đến đường Đ (địa chỉ: Quốc lộ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long).

Sau khi ký kết hợp đồng, phía Công ty T2 đã cung cấp đủ số lượng bê tông tươi cho Công ty T3 tổng giá trị hợp đồng là 222.300.000 đồng (có hóa đơn, bảng kê khối lượng và công nợ kèm theo). Mục đích để sửa chữa bổ sung rãnh dọc trên Quốc lộ đoạn K 2044 + 500 – Km 2062 + 600 tỉnh Vĩnh Long. Phía công ty T3 thanh toán cho công ty T2 số tiền 170.000.000 đồng, còn nợ 52.300.000 đồng. Đến ngày 14/8/2019 phía Công ty T3 có cam kết thanh toán nợ cho công Ty T2 trong thời hạn 30 ngày nhưng đến nay chưa trả số tiền còn nợ là 52.300.000 đồng. Mặc dù phía Công Ty T2 đã thông báo nhắc nợ 04 lần nhưng không thấy phản hồi hay thực hiện giao dịch chuyển trả số tiền nợ còn lại cho Công ty T2.

Nay, Công ty TNHH T2 yêu cầu Công ty cổ phần T3 trả số tiền còn nợ là 52.300.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán là 0,83% từ ngày 15/9/2019 đến 30/4/2023 là $44,5 \text{ tháng} \times 0,83\% \times 52.300.000 \text{ đồng} = 19.317.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc lãi là 71.617.005 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn Công ty Cổ Phần T3 do ông Lê Trung T1 đại diện đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

Công ty TNHH T2 yêu cầu Công ty cổ phần T3 trả số tiền gốc còn nợ là 52.300.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán từ ngày 15/9/2019 đến 15/4/2023 là $55 \text{ tháng} \times 0,83\% \times 52.300.000 \text{ đồng} = 23.874.950 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc lãi là 76.174.950 đồng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành thu thập chứng cứ giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về đương sự tham gia trong vụ án đã thực hiện theo đúng thủ

tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Đối với bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền, và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2.

Buộc Công ty Cổ phần T3 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T2 số tiền nợ gốc lãi tổng cộng là: 76.174.950 đồng (trong đó: nợ gốc 52.300.000 đồng, nợ lãi là 23.874.950 đồng).

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T3 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.808.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng. Do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán. Theo hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 44/HĐBT.2018/TH-TTNAP ngày 08/11/2018 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân tại tỉnh Vĩnh Long giải quyết. Qua xem xét nơi thực hiện hợp đồng là tại đoạn đường từ Km2044 + 500 đến Km 2062 + 600 trên tuyến Quốc lộ A thuộc địa phận huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty Cổ Phần T3 do ông Lê Trung T1 đại diện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, Công ty TNHH T2 và Công ty Cổ Phần T3 đã ký Hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn số 44/HĐBT.2018/TH-TTNAP ngày 08/11/2018, hợp đồng bằng văn bản đánh máy và có chữ ký và đóng mộc của Công ty TNHH T2 và Công ty Cổ Phần T3. Nội dung Công ty T2 cung cấp bê tông trộn sẵn thương phẩm theo Mác (Bê tông M150, bê tông M200, bê tông M250) phục vụ công trình để sửa chữa bổ sung rãnh dọc trên Quốc lộ A đoạn Km 2044 + 500 - Km 2062 + 600 Đoạn từ Cầu L đến đường Đ.

Xét thấy, hợp đồng nêu trên được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các bên, đảm bảo hình thức, nội dung và trình tự theo quy định pháp luật nên được thừa

nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Sau khi ký kết hợp đồng, phía Công ty T2 đã cung cấp đủ số lượng bê tông tươi cho Công ty T3 tổng giá trị hợp đồng là 222.300.000 đồng. Công ty T3 đã thanh toán số tiền 170.000.000 đồng nên còn nợ lại 52.300.000 đồng. Ngày 14/8/2019 Công ty T3 có làm bản cam kết xác nhận còn nợ 52.300.000 đồng, văn bản có chữ ký tên của và đóng dấu của ông Lê Trung T1 - chức vụ: Giám đốc Công ty T3. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Công ty T2 yêu cầu Công ty T3 trả số tiền nợ gốc 52.300.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015, Điều 50, 55 Luật thương mại 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về tiền lãi: Xét theo hợp đồng số 44/HĐBT.2018/TH-TTNAP ngày 08/11/2018 giữa Công ty TNHH T2 và Công ty Cổ Phần T3 không thỏa thuận lãi suất trong trường hợp chậm thanh toán. Theo biên bản cam kết thanh toán ngày 14/8/2019 Công ty T3 cam kết thanh toán số tiền nợ 52.300.000 đồng trong thời hạn 30 ngày nhưng đến nay không thực hiện nên Công ty T3 phải có trách nhiệm trả lãi cho Công ty T2. Công ty T2 không cung cấp cũng như không yêu cầu áp dụng lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng mà yêu cầu áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng là không cao hơn mức lãi suất thấp nhất do nhà nước quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn số tiền là $52.300.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 55 \text{ tháng}$ (từ ngày 15/9/2019 đến ngày 15/4/2024) = 23.874.950 đồng.

Buộc Công ty T3 có trách nhiệm trả cho Công ty T2 số tiền gốc lãi tổng cộng là 52.300.000 đồng + 23.874.950 đồng = 76.174.950 đồng.

[3] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.808.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55, 306 của Luật thương mại.

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T2.

1. Buộc Công ty Cổ phần T3 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH T2 số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là: 76.174.950 đồng (bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng) (trong đó: nợ gốc 52.300.000 đồng, nợ lãi là 23.874.950 đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1 Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T3 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.808.000 đồng (ba triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH T2 số tiền 1.790.000 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005244 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự được biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ánh Tuyết